

Số: /SCT-VP₃
V/v chuẩn bị nội dung trả lời chất
vấn tại Kỳ họp thứ 23 HĐND tỉnh

Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 7281/UBND-TH₁ ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 23 HĐND tỉnh khóa XVIII; sau khi nghiên cứu, Sở Công Thương trả lời như sau:

Câu hỏi 1: Từ năm 2013, Hà Tĩnh đã ban hành các chính sách phát triển cụm công nghiệp. Tuy nhiên, việc thu hút đầu tư, phát triển các cụm công nghiệp theo quy hoạch trong những năm qua còn chậm; hạ tầng cụm công nghiệp chưa đồng bộ, xuống cấp; tỷ lệ lấp đầy các dự án vào cụm công nghiệp đạt thấp, thu hút các dự án rất khó khăn. Trong khi đó vẫn có tình trạng một số dự án đầu tư được cấp đất ngoài cụm công nghiệp. Đề nghị UBND tỉnh cho biết thực trạng phát triển các cụm công nghiệp; nguyên nhân và giải pháp trong thời gian tới.

Trả lời:

Từ năm 2013, Hà Tĩnh đã chú trọng phát triển các cụm công nghiệp (CCN), HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 73/2013/NQ-HĐND ngày 18/12/2013 về hỗ trợ phát triển các CCN; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển CCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Đến năm 2018, triển khai Nghị quyết số 08/NQ-TU của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển CN-TTCN đến năm 2025 và những năm tiếp theo, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND về một số chính sách phát triển CN-TTCN. Đến năm 2022 để tách riêng các chính sách CCN và KKT, KCN cũng như chỉnh sửa bổ sung những bất cập của Nghị quyết số 86, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND về chính sách phát triển CN-TTCN tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025.

Qua 11 năm thực hiện các chính sách phát triển CCN, đến nay Hà Tĩnh hiện có 21 CCN được thành lập, mở rộng với tổng diện tích 542,1ha, có 325 cơ sở/dự án đăng ký trong CCN, trong đó có 248 cơ sở/dự án đã đi vào hoạt động, đạt tỷ lệ lấp đầy trung bình **55,84%**¹ với tổng vốn đăng ký hơn 8.900 tỷ đồng, giá

¹ Cả nước đạt 64%; tỉnh Quảng Bình 73%; tỉnh Nghệ An 80%

trị sản xuất trung bình hơn 5.400 tỷ đồng/năm, tạo việc làm cho hơn 8.300 lao động, trong đó có 10 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư và 12 CCN đang giao UBND cấp huyện làm chủ đầu tư.

Với sức hút từ chính sách phát triển CN-TTCN của Nghị quyết số 86, 96 và công tác xúc tiến đầu tư của Tỉnh, trong 6 năm gần đây đã thu hút được 09 doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng theo hình thức xã hội hóa (*trước khi có chính sách chỉ có 01 CCN được giao doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh là CCN Kỳ Hưng*), với tổng vốn đăng ký là 1.680 tỷ đồng, trong đó đến nay đã có 03 CCN đã hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (CCN Yên Huy, CCN Kỳ Hưng, CCN Thái Yên phần mở rộng) đã thu hút các dự án thứ cấp; 05 CCN đang đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường (CCN Cống Khánh 1, CCN Cống Khánh 2, CCN Xuân Lĩnh, CCN huyện Can Lộc và CCN huyện Đức Thọ). Tuy vậy vẫn còn 02 CCN chưa thực hiện đầu tư hạ tầng (CCN Thạch Bằng, CCN Cẩm Nhượng).

Cũng từ các chính sách nêu trên, 12 CCN giao UBND cấp huyện làm chủ đầu tư đang dần được tập trung nguồn lực để hoàn thiện hạ tầng đồng bộ, đến nay có 02 CCN cơ bản hoàn thiện hạ tầng và lấp đầy cao (CCN Thái Yên, phần diện tích 5.5ha và CCN Thạch kim); 02 CCN đang tập trung hoàn thiện hạ tầng và dự kiến đồng bộ trong năm 2025 (CCN Bắc Cẩm xuyên và CCN Nam Hồng). Hiện nay 08 CCN còn lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật đang đầu tư dở dang, ~~thậm chí~~ có CCN chưa được đầu tư hạ tầng dù đã có dự án thứ cấp trong CCN (CCN Gia Phố, CCN Kỳ Ninh).

Tổng nguồn vốn đầu tư hạ tầng các CCN đã thực hiện hơn 1.250 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn từ doanh nghiệp đầu tư 930 tỷ đồng và nguồn ngân sách nhà nước đầu tư hơn 320 tỷ đồng. Trong nguồn ngân sách nhà nước đầu tư thì kinh phí hoàn thiện hạ tầng nội CCN khoảng 104 tỷ đồng từ nguồn thực hiện chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2025 theo 02 Nghị quyết số 86 và số 96 của HĐND tỉnh, tuy nhiên do thủ tục pháp lý chưa hoàn chỉnh nên đến nay chưa phân bổ và giải ngân hết.

UBND tỉnh cũng đã tích hợp phương án phát triển CCN vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 8/11/2022 với 45 CCN, tổng diện tích đến năm 2030 gần 1.892ha, sau năm 2030 gần 2.242ha.

Kết quả đạt được trong phát triển CCN thời gian qua tương đối lớn, tạo nhiều mặt bằng cho các nhà đầu tư thứ cấp, từng bước phát huy lợi thế của vùng miền, tạo ra nhiều sản phẩm góp phần phát triển chỉ số công nghiệp chung của toàn tỉnh. Tuy nhiên nhìn nhận tổng thể chúng ta đồng tình với nhận định của Đại biểu HĐND tỉnh “việc thu hút đầu tư, phát triển các CCN theo quy hoạch trong những

năm qua còn chậm, hạ tầng CCN chưa đồng bộ, xuống cấp; tỷ lệ lấp đầy các dự án vào CCN chưa được như mong muốn, thu hút các dự án rất khó khăn”.

Những tồn tại đó vì những nguyên nhân chính sau:

(1) Nhóm nguyên nhân về đầu tư hạ tầng:

- Các CCN giao cho UBND huyện làm chủ đầu tư (trước đây): Cấp huyện không đảm bảo được ngân sách để bố trí vốn đầu tư mà chủ yếu sử dụng nguồn từ Ngân sách tỉnh kể cả đầu tư mới và duy tu sửa chữa. Do vậy các CCN này đã được thành lập từ lâu nhưng đến nay chưa đầu tư hoàn thiện đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với việc hấp thu các chính sách để đầu tư hạ tầng sử dụng nguồn ngân sách: Chủ đầu tư thực hiện hồ sơ thủ tục còn quá chậm, từ năm 2023 đã ban hành Chủ trương đầu tư song đến nay có dự án vẫn chưa được phê duyệt Báo cáo khả thi, nên chưa đủ điều kiện đề xuất kế hoạch vốn để phân bổ. Vì vậy khó đảm bảo tiến độ triển khai. Dẫn đến không đảm bảo hạ tầng đồng bộ, chưa hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường để đảm bảo tiếp nhận thêm dự án vào CCN.

- Đối với các CCN giao doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng theo hình thức xã hội hóa: Một số doanh nghiệp thực hiện đầu tư quá chậm theo tiến độ được giao, nhiều CCN đề xuất điều chỉnh tiến độ nhiều lần, có CCN chưa triển khai giải phóng mặt bằng (CCN Thạch Bằng, CCN Cẩm Nhung) do vậy thiếu mặt bằng thu hút đầu tư dự án thứ cấp.

- Nhiều dự án (kể cả dự án CCN, kể cả các hạng mục đầu tư hạ tầng CCN) vướng mắc trong quá trình bồi thường GPMB nên chậm triển khai, do vậy không đảm bảo tiến độ tiếp cận chính sách do hiệu lực chính sách của Nghị quyết số 96 đến hết năm 2025 diễn hình như dự án đầu tư hạ tầng CCN Cẩm Nhung được thành lập từ năm 2017, chấp thuận chủ trương đầu tư giao Doanh nghiệp từ năm 2021 đến nay chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng; CCN Thạch Bằng thành lập năm 2016, chấp thuận chủ trương đầu tư giao doanh nghiệp từ năm 2020 đến nay, Doanh nghiệp triển khai thực hiện, chưa giải phóng mặt bằng, chưa lập hồ sơ quy hoạch..

Do ngân sách tỉnh những năm qua còn có những khó khăn nên việc bố trí vốn theo chính sách Nghị quyết số 86 và số 96 còn hạn chế (năm 2018 là 8 tỷ đồng, năm 2019 là 25 tỷ đồng, năm 2020 là 15 tỷ đồng, năm 2021-2022-223 không bố trí vốn, năm 2024 mới bố trí 20 tỷ đồng) chưa đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng cho các CCN do nhà nước đang đầu tư dở dang.

(2) Nhóm nguyên nhân do thu hút đầu tư:

- Hà Tĩnh ở xa các trung tâm kinh tế lớn nên khó thu hút đầu tư (so với các địa phương gần Hà Nội hơn), trong khi các CCN thường có vị trí không thuận lợi và không được hưởng các chính sách như các KCN và KKT. Mặt khác, những

năm gần đây có sự tác động lớn từ chiến tranh thương mại, đại dịch Covid, chiến tranh Nga - Ukraina... nên tác động trực tiếp vào thu hút đầu tư vào các CCN.

- Như đã nêu trên nhiều CCN chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nội CCN; hạ tầng kết nối còn thiếu, thiếu nước sạch, khó khăn trong việc kết nối giao thông đối ngoại nên sức hấp dẫn kém, do vậy khó khăn trong thu hút dự án thứ cấp.

- Các huyện được giao làm chủ đầu tư, tuy nhiên không có bộ phận chuyên trách kêu gọi, thu hút đầu tư nên việc lấp đầy khó khăn, chủ yếu trông chờ sự kêu gọi đầu tư của tỉnh.

(3) Nhóm nguyên nhân từ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

- Việc quy định chính sách đầu tư các CCN là tương đối mạnh tuy nhiên phải tuân thủ các pháp luật về đầu tư, xây dựng nên các địa phương triển khai rất khó khăn, mất nhiều thời gian.

- Việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh được triển khai sớm (phê duyệt thứ 2 toàn quốc) tuy nhiên trước đó phải cần một thời gian dài chờ đợi; mặt khác sau khi có Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch khác phải điều chỉnh theo mới đảm bảo đủ điều kiện thành lập CCN và chấp thuận chủ trương đầu tư CCN nên rất khó khăn trong xã hội hóa đầu tư CCN. Điển hình như CCN Bắc Cẩm Xuyên 2, CCN Công Khánh 3, CCN Tân Lâm Hương đã có Nhà đầu tư tìm hiểu, lập hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, tuy nhiên đến nay UBND cấp huyện vẫn chưa hoàn thành đồng bộ các quy hoạch liên quan (như quy hoạch vùng huyện, quy hoạch chung xã, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất) để đủ điều kiện thành lập CCN.

Luật Bảo vệ môi trường yêu cầu các CCN phải hoàn thiện hệ thống bảo vệ môi trường tập trung mới được hoạt động, thu hút dự án thứ cấp, việc này dẫn đến khó khăn cho các CCN do nhà nước đầu tư trong việc lấp đầy.

Để giải quyết các tồn tại và phát triển các CCN trong thời gian tới, Sở công Thương sẽ tham mưu UBND tỉnh tăng cường chỉ chỉ đạo triển khai nhiều nhóm giải pháp cụ thể:

1. Triển khai thực hiện bài bản theo lộ trình Quy hoạch tỉnh trong đó có Phương án phát triển các CCN.

2. Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ-TU trong đó quy định “*Đối với các địa bàn có quy hoạch KCN, CCN thì không chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư có tính chất công nghiệp nằm ngoài, lân cận các KCN, CCN đã quy hoạch để đảm bảo công tác xử lý, bảo vệ môi trường. Đối với các địa bàn có khoảng cách xa với các KCN, CCN thì định hướng quy hoạch các địa điểm thực hiện dự án đầu tư có tính chất công nghiệp thành vùng tập trung*”

Do vậy nhiều năm gần đây, các dự án đầu tư được chấp thuận chủ trương đầu tư đều được định hướng vào KCN, CCN, trừ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ tự phát

trong dân hoặc điều chỉnh mục tiêu đầu tư từ các dự án hiện hữu, đã được thực hiện khá lâu, cơ sở hạ tầng đang tốt hoặc thời gian thuê đất đang còn dài nên được tỉnh xem xét cho điều chỉnh mục tiêu dự án để tránh hoang hóa, lãng phí. Tuy nhiên, nội dung này do sự thay đổi của các quy định của pháp luật liên quan nên trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ điều chỉnh các văn bản quản lý phù hợp thực tiễn hiện hành.

3. Tiếp tục kiến nghị với Chính phủ, các Bộ ngành TW hoàn thiện văn bản pháp lý có liên quan để đồng bộ trong quản lý, phát triển CCN, cụ thể cần quy định rõ quy trình thủ tục Thành lập và chấp thuận chủ trương đầu tư dự án CCN; quy định bàn giao tài sản công là hạ tầng CCN khi chuyển giao cho doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng; quy định chi tiết về CCN không phát sinh xả thải cần phải đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường (BVMT) như thế nào để tránh lãng phí nguồn lực...

4. Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung nguồn vốn từ ngân sách đảm bảo từng bước đầu tư hoàn thiện hạ tầng CCN, trong đó chú trọng hệ thống BVMT trong các CCN đảm bảo điều kiện thu hút dự án thứ cấp.

5. Chỉ đạo địa phương tăng cường đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện để sớm bố trí vốn đối với các dự án đã được chấp thuận CTĐT, đảm bảo đủ mặt bằng thu hút dự án thứ cấp và hoàn thiện hồ sơ đề xuất hỗ trợ theo chính sách của Nghị quyết số 96.

6. Tiếp tục nghiên cứu và đề xuất xây dựng sửa đổi, bổ sung các chính sách đủ sức hấp dẫn thu hút đầu tư hạ tầng CCN và các dự án thứ cấp vào CCN; quan tâm chính sách di dời cơ sở đang hiện hữu trong dân vào các KCN, CCN, vùng sản xuất tập trung.

7. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện mô hình quản lý các CCN do nhà nước đầu tư đạt hiệu quả nhất.

Câu hỏi 2: Sản xuất công nghiệp là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, những năm gần đây chỉ số phát triển công nghiệp có xu hướng giảm. Đề nghị UBND tỉnh cho biết giải pháp để phục hồi và phát triển ngành công nghiệp.

Trả lời:

Sản xuất công nghiệp là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh việc này đã được khẳng định tại Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX “*công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng là một trong 4 trụ cột làm trọng điểm phát triển cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*”

Trong những năm qua, lĩnh vực CN-TTCN của tỉnh có sự phát triển và đạt được những kết quả quan trọng, thu hút được nhiều dự án đầu tư; giá trị sản xuất,

kim ngạch xuất khẩu tăng cao. Cơ cấu ngành công nghiệp có bước chuyển dịch tích cực; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng trưởng khá; giai đoạn 2021-2024, tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt gần 6%/năm, quy mô đến cuối năm 2025 ước đạt gần 44.000 tỷ đồng (chiếm 36% nền kinh tế), trong đó ngành chế biến chế tạo duy trì tỷ trọng cao trong cơ cấu nội ngành². Các sản phẩm công nghiệp chủ lực như thép, điện, bia, pin... tiếp tục đóng góp quan trọng trong nền kinh tế, sản lượng tăng khá so với giai đoạn 2016-2020³. Tuy vậy, những năm gần đây chỉ số phát triển công nghiệp chưa đạt như kỳ vọng nhưng chỉ số sản xuất toàn ngành các năm so với năm liền kề trước đó đều tăng trừ năm 2022: năm 2021 tăng +14,02%; năm 2022 giảm -16,53%, năm 2023 tăng +7,41%, năm 2024 dự kiến tăng +5%.

Nguyên nhân chỉ số sản xuất công nghiệp của Hà Tĩnh không đạt như kỳ vọng là do:

- Nguyên nhân khách quan: Phát triển kinh tế trong điều kiện đất nước gặp nhiều khó khăn do tác động kéo dài của dịch COVID-19, chiến tranh, xung đột quân sự diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu suy giảm...

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Sản lượng thép của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh (FHS) chiếm tỷ trọng quá lớn trong cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh nhà nên khi FHS có sự thay đổi về sản lượng ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng chung của toàn ngành (*do nhiều nguyên nhân khách quan tác động từ tình hình thế giới và trong nước vượt tầm kiểm soát của tỉnh cũng như FHS nên các năm công ty phải điều chỉnh sản lượng để đảm bảo mục tiêu kinh doanh của mình, chẳng hạn năm 2021 đạt 7,4 triệu tấn nhưng năm 2022 giảm 17% sản lượng, năm 2023: 5,78 triệu tấn, năm 2024: dự kiến đạt 4,5 triệu tấn*);

+ Sản lượng điện có tỷ trọng giá trị gia tăng cao, đóng góp trong chỉ số phát triển công nghiệp, tuy nhiên tổ máy số 1 Nhiệt máy điện Vũng Áng I gặp sự cố, ngừng hoạt động từ tháng 9/2021 đến tháng 8/2023; một số dự án đầu tư xây dựng hạ tầng CCN, dự án công nghiệp trọng điểm chậm tiến độ, nhóm ngành dệt may, gỗ MDF, HDF do tác động đứt gãy chuỗi cung ứng gặp rất nhiều khó khăn (các đơn hàng giảm, thiếu nhân công...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến sự tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Riêng năm 2024 tăng trưởng ngành công nghiệp chưa đạt kỳ vọng chủ yếu do: (1) Thép Formosa giảm do ảnh hưởng của thị trường, ngoài ra đây chuyên cán

² Tỷ trọng chế biến - chế tạo trong cơ cấu ngành công nghiệp năm 2025 ước đạt 53%

³ Giai đoạn 2021-2025 so với 2016-2020, sản xuất thép ước đạt 24 triệu tấn (tăng 9 triệu tấn), điện 51 tỷ kWh (tăng 10 tỷ kWh), bia 358 triệu lít (tăng 64 triệu lít).

nóng tạm dừng để đại tu trong nửa đầu tháng 4, sản lượng cả năm đạt khoảng 4,5 triệu tấn/kế hoạch 5,1 triệu tấn (6 tháng đầu năm giảm 20%, 6 tháng cuối năm phục hồi 8% nhưng tính chung cả năm vẫn giảm 6%, làm giảm 0,4 điểm % tăng trưởng; riêng thời gian dừng đại tu làm giảm 0,55 điểm % tăng trưởng); (2) Nhiệt điện Vũng Áng I tăng trưởng không cao như kỳ vọng do Tổ máy số 2 dừng bảo dưỡng hơn 2 tháng trong quý III, sản lượng cả năm đạt 5,7 tỷ kWh/KH 6,5 tỷ kWh (thời gian dừng bảo dưỡng làm giảm 0,45 điểm % tăng trưởng). *Nếu loại trừ yếu tố “dừng bảo dưỡng” của Formosa và Tổ máy số 2 Nhiệt điện Vũng Áng I thì công nghiệp có thể tăng 9% và tăng trưởng chung của nền kinh tế có thể tăng 8,3%.*

Để thúc đẩy việc đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, cần thực hiện đồng bộ nhiều nhóm giải pháp, trong đó chú trọng đến một số nhóm giải pháp sau:

Một là, Tổ chức triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội tỉnh đảng bộ lần thứ XIX, Nghị quyết số 08 của BCH Đảng bộ tỉnh, Các Nghị quyết của HĐND, Chương trình hành động số 518/CTr-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh; thường xuyên rà soát đánh giá các chính sách phát triển CN-TTCN trong thời gian qua nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn của tỉnh trong tình hình mới.

Hai là, Tập trung hoàn thiện hạ tầng các KKT, KCN, CCN xây dựng các chính sách thu hút đầu tư các dự án công nghiệp vào địa bàn đặc biệt là các dự án CNHT, CN chuyên ngành, chế biến chế tạo, các dự án có giá trị gia tăng cao nhằm cân bằng với tỷ trọng của đóng góp FHS trong công nghiệp cũng như trong nền kinh tế - nhằm đảm bảo tính ổn định chung.

Ba là, Tập trung đẩy nhanh việc triển khai xây dựng các dự án lớn, trọng điểm đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư như: KCN Vinhomes Vũng Áng; KCN VSIP Thạch Hà, Mở rộng KCN Gia Lách, Nghi Xuân, Nhiệt điện Vũng Áng II, Nhà máy sản xuất ô tô tại KKT Vũng Áng; Tập trung tháo gỡ vướng mắc KCN Phú Vinh và KCN Hoành Sơn; Đẩy nhanh quy hoạch phân khu các KCN trên địa bàn như KCN phía Tây thành phố Hà Tĩnh, KCN Bắc Hồng Lĩnh, KCN Hạ Vàng; KCN Kỳ Trinh - Kỳ Thịnh thuộc KKT Vũng Áng. Đây là những nhân tố tăng trưởng lớn cũng như là động lực cho các công nghiệp khác phát triển

Bốn là, đẩy nhanh tiến độ mở rộng KKT Vũng Áng; tăng cường thu hút đầu tư hạ tầng các CCN; tập trung bổ sung nguồn vốn hoàn thiện hạ tầng các CCN do nhà nước đầu tư tạo nhiều mặt bằng cho các dự án lớn vào đầu tư cũng như phát triển CN-TTCN nội tại địa phương.

Năm là, tập trung chỉ đạo quyết liệt việc chuyển đổi số trong phát triển CN-TTCN; xúc tiến đầu tư, thương mại đối với các KKT, KCN, CCN; ưu tiên thu hút đầu tư các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong quản lý, hoạt động sản xuất, chế biến, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào hoạt động sản xuất CN-TTCN.

Sáu là, Nghiên cứu, bổ sung chính sách phát triển CN - TTCN sau khi Nghị quyết số 96 hết hiệu lực (31/12/2025) tập trung hoàn thiện hạ tầng các CCN, khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ, khởi nghiệp ...nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Bảy là, nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực CN-TTCN, trong đó: chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp có chuyên môn cao, kỹ năng quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh; xây dựng đội ngũ công nhân có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; có năng lực tiếp thu và sáng tạo trong sản xuất.

Với sự quan tâm, hỗ trợ của các cơ quan trung ương, sự đồng hành của HĐND tỉnh, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự vào cuộc một cách quyết liệt, căn cơ của UBND tỉnh, các sở ngành và địa phương thời gian tới tin tưởng rằng công nghiệp Hà Tĩnh sẽ thu được những thành quả tương xứng với tiềm năng, lợi thế, góp phần hoàn thành mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và hiện thực phương hướng⁴ phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Câu 3. Thời gian qua, việc chuyển đổi mô hình quản lý chợ được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo; một số chợ khi chuyển đổi mô hình đầu tư và giao cho khu vực tư nhân quản lý đã được đầu tư khang trang, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Tuy vậy, việc chuyển đổi mô hình đầu tư, khai thác còn chậm; năng lực của Ban quản lý chợ là các đơn vị sự nghiệp công lập (đối với các chợ chưa chuyển đổi mô hình) còn hạn chế. Một số huyện, xã chưa làm tốt công tác quản lý, còn để nhiều chợ cóc, chợ tạm tồn tại trong các khu dân cư. Đề nghị UBND tỉnh cho biết lộ trình chuyển đổi chợ trong thời gian tới, nhất là việc huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển chợ

Trả lời:

1. Chuyển đổi mô hình quản lý chợ là một trong những chủ trương được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo. Từ năm 2014, HĐND tỉnh đã ban hành các chính sách, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch và chỉ đạo thực hiện quy trình chuyển

⁴ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 của Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng là một trong 4 trụ cột làm trọng điểm phát triển cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ. Hà Tĩnh được Bộ Công Thương đánh giá là một trong những tỉnh thực hiện tốt công tác chuyển đổi chợ và xã hội hóa đầu tư trong cả nước.

- Thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý và thu hút xã hội hóa đầu tư chợ, toàn tỉnh đã có 129 chợ/tổng số 151 chợ đang hoạt động do doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, kinh doanh, khai thác (chiếm tỷ trọng 85,4%). Trong đó, số chợ được giao theo hình thức chuyển đổi gắn với chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (thời hạn khai thác 50 năm) là 53 chợ; số chợ được giao theo hình thức giao quản lý (hợp đồng giao trong thời hạn 5 năm hoặc 10 năm) là 76 chợ.

- Thu hút, huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng chợ đạt nhiều kết quả tích cực. Từ năm 2014 đến nay, tổng nguồn vốn đầu tư chợ đạt trên 2.200 tỷ đồng trong đó nguồn xã hội hóa trên 1.700 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 77,3%), nguồn ngân sách tỉnh gần 90 tỷ đồng (tỷ trọng 4,09%), ngân sách huyện xã trên 410 tỷ đồng (tỷ trọng 18,6%).

- Nhiều chợ do doanh nghiệp đầu tư có hạ tầng khang trang, công tác quản lý chợ chặt chẽ, chuyên nghiệp hơn, đảm bảo các điều kiện về phòng cháy, vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu mua sắm ngày càng cao của người dân, điển hình như tại chợ Huyện, thị trấn Hương Khê; chợ Hồng Lĩnh; chợ thị xã Kỳ Anh...; 136/136 xã nông thôn có chợ đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; 45 chợ đảm bảo các yêu cầu mô hình chợ an toàn thực phẩm.

2. Mặc dù vậy, công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ và công tác quản lý chợ đã gặp nhiều khó khăn, hạn chế nhất định.

Ngoài các chợ tại đô thị, vùng đông dân cư thì đa số các chợ còn lại ở nông thôn, hoạt động theo phiên (hợp 01 buổi và từ 9-15 phiên/tháng), số hộ kinh doanh ít, chủ yếu phục vụ nhu cầu dân sinh do vậy việc thu hút xã hội hóa đầu tư chợ hết sức khó khăn, do hiệu quả đầu tư thấp, thu không đủ bù chi. Một số chợ xã hội hóa đầu tư chưa thực sự phát huy hiệu quả, việc thu hút các hộ tiểu thương vào kinh doanh trong chợ đạt thấp. Do một số văn bản luật không còn phù hợp, nên từ năm 2021-2024, tỉnh đang tạm dừng thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh.

Hiện trên địa bàn tỉnh còn 22 chợ do Ban quản lý, UBND cấp xã quản lý; Tình trạng điểm kinh doanh tự phát, ngoài quy hoạch (hay còn gọi là chợ cóc, chợ tạm) vẫn còn tồn tại ở một số khu dân cư, xã chưa được dẹp bỏ dứt điểm như phản ánh của các cử tri.

3. Nguyên nhân của các khó khăn, hạn chế trên là:

- Các quy định, hướng dẫn về quản lý và phát triển chợ đã ban hành từ lâu, có một số điểm không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (như Luật đất đai, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công,...) nên UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 03/2021/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 về bãi bỏ một số quy định của UBND tỉnh liên quan đến quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, do đó công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ tạm dừng từ năm 2021. Đến tháng 6/2024, Chính phủ mới có Nghị định 60/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý chợ thay thế các quy định trước đây.

- Việc xử lý chợ cóc, chợ tạm là vấn đề lâu dài, thường xuyên và liên tục, Chính quyền địa phương, đặc biệt là cấp xã chịu trách nhiệm chính. Tuy nhiên, thời gian qua một số xã, phường, thị trấn chưa quan tâm hoặc đã xử lý nhưng không thực hiện thường xuyên, liên tục. Nghị định 60/2024/NĐ-CP đã quy định rõ trách nhiệm UBND các cấp và các cơ quan liên quan trong xóa bỏ dứt điểm điểm kinh doanh tự phát. Hiện nay, UBND tỉnh đang giao Sở Công Thương dự xây dựng quy định về phát triển và quản lý chợ, trong đó giao trách nhiệm chính cho cấp huyện, cấp xã trong xử lý dẹp bỏ chợ cóc, chợ tạm.

- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh tại chợ truyền thống với các loại hình thương mại hiện đại tiện lợi như siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại, thương mại điện tử ngày càng cao; nguồn ngân sách dành cho đầu tư chợ hạn chế, hiệu quả đầu tư tại các chợ nông thôn thấp nên khó thu hút xã hội hóa đầu tư.

- Năng lực một số Ban quản lý chợ đang còn hạn chế, bộ máy quản lý chưa tối ưu, dẫn đến hoạt động tại các chợ này chưa thực sự đạt hiệu quả.

4. Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới

- Vừa qua tỉnh đã chỉ đạo xây dựng Phương án phát triển chợ tích hợp tại Quy hoạch tỉnh, ban hành Kế hoạch số 580/KH-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh về phát triển hệ thống chợ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030; theo đó đã rà soát đưa ra khỏi quy hoạch một số chợ hoạt động không hiệu quả và xây dựng lộ trình thu hút đầu tư chợ giai đoạn 2024-2030.

- Ngày 05/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 60/2024/NĐ-CP ngày về phát triển và quản lý chợ thay thế các Nghị định về phát triển và quản lý chợ trước đây. Nghị định này đã quy định chi tiết việc quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ, theo đó chuyển đổi mô hình quản lý chợ sẽ thực hiện qua 02 phương thức: cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ thông qua hình thức đấu giá. Các quy định này, sẽ góp phần tháo gỡ những vướng mắc trong công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ trong thời gian tới.

Thực hiện Nghị định, UBND tỉnh đã giao các sở ngành, địa phương xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về ban hành quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Trong đó, phân cấp rõ về quản lý chợ, quy định quy trình chuyển đổi mô hình quản lý chợ và tại quy định này xác định rõ trách nhiệm UBND các cấp và các cơ quan liên quan trong việc xóa bỏ điểm kinh doanh ngoài quy hoạch... Dự thảo đã đăng tải lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ 27/8/2024 đến 27/9/2024; lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương và hiện đang tiếp tục hoàn thiện để ban hành.

- Trong thời gian tới, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo chuyển đổi mô hình quản lý chợ theo quy định mới; giao các địa phương xây dựng kế hoạch, phương án chuyển đổi mô hình chợ do Ban quản lý/UBND xã quản lý sang mô hình doanh nghiệp/Hợp tác xã quản lý. Đồng thời khuyến khích thu hút xã hội hóa đầu tư chợ, chỉ đạo bố trí nguồn ngân sách để bảo trì, nâng cấp cải tạo đối với chợ dân sinh, khó xã hội hóa đầu tư, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chợ cho doanh nghiệp, BQL chợ, hộ kinh doanh trong chợ.

Sở Công Thương báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các phòng chuyên môn thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP₃.

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Thành